

**BÁO CÁO KHẢO SÁT VỀ TÌNH TRẠNG
VIỆC LÀM VÀ NĂNG LỰC ĐẠT ĐƯỢC THEO CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT
CỦA CỰU SINH VIÊN KHÓA QH 2020 (K65) SAU TỐT NGHIỆP**

I. Thông tin chung

***Mục tiêu khảo sát**

Thu thập ý kiến của Cựu sinh viên tốt nghiệp Khóa QH 2020 (K65) để làm cơ sở cho việc viết báo cáo tình hình việc làm và năng lực đạt được theo chuẩn đầu ra của CTĐT sau 1 năm tốt nghiệp.

***Nội dung khảo sát**

Tình trạng việc làm và năng lực đạt được theo chuẩn đầu ra của CTĐT của Cựu sinh viên Khóa QH 2020 (K65) sau 1 năm tốt nghiệp.

***Đối tượng và hình thức khảo sát**

- Đối tượng khảo sát: Cựu sinh viên tốt nghiệp Khóa QH 2020 (K65)

- Hình thức khảo sát: Khảo sát online qua đường link sau:

<https://forms.gle/e2Wf6oftca2uHBMv5>

***Thời gian khảo sát:** Từ ngày 01/10/2025 đến ngày 15/11/2025

II. Kết quả khảo sát

- Số lượng Cựu SVTN Khóa QH 2020 (K65) (Dữ liệu sinh viên tốt nghiệp tính đến thời điểm 30/10/2025): 562 người.

- Số lượng Cựu sinh viên trả lời khảo sát: 474 người, đạt tỷ lệ 84.34%.

- Kết quả như sau:

2.1. Đánh giá về tình trạng việc làm

STT	Nội dung câu hỏi	Mức độ trả lời (%)			
1	Tình hình việc làm của Anh(Chị) hiện nay như thế nào?	Đang có việc làm	Tiếp tục đi học nâng cao	Chưa từng có việc làm	
		87.13%	6.7%	6.17%	
2	Khu vực việc làm hiện tại	Khu vực nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Yếu tố nước ngoài

		10.65%	80.38%	2.6%	6.37%			
3	Vị trí việc làm của Anh(Chị)	Cán bộ tập sự	Cán bộ thực thi	Quản lý	khác			
		6.7%	78%	11%	4.3%			
4	Thời gian mà Anh/Chị đã làm việc tại cơ quan hiện tại (số tháng làm việc tại Cơ quan/ Tổ chức, bao gồm cả thời gian thử việc – tính từ khi tốt nghiệp)	Dưới 3 tháng	Sau 3-6 tháng	Sau 7-12 tháng	Trên 12 tháng			
		10%	29%	40.5%	20.5%			
5	Bao lâu sau khi tốt nghiệp Anh (Chị) tìm được việc làm?	Dưới 3 tháng	Sau 3-6 tháng	Sau 7-12 tháng	Trên 12 tháng			
		41%	41.5%	16.5%	1%			
6	Việc làm anh(Chị) đang đảm nhận có đúng với chuyên môn được đào tạo ở Trường Đại học Luật - ĐHQGHN không?	Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo				
		47%	33.4%	19.6%				
7	Anh(Chị) tìm được việc làm thông qua con đường nào?	Tự tìm việc	Do nhà trường giới thiệu	Do người trong gia đình giới thiệu	Do bạn bè người quen giới thiệu	Thông qua quảng cáo	Hội chợ việc làm	
		51%	4.8%	17.8%	16.8%	9.2%	0.4 %	
8	Mức thu nhập bình quân/tháng (tính theo VNĐ)	Từ 3.1-5 triệu	Từ 5.1 – 7 triệu	Trên 7 triệu	Trên 10 triệu			
		6.56%	19.46%	53.28%	20.7%			
9	Sau khi được tuyển dụng, bạn đã tham gia các khóa học	Có	Không					

	nâng cao nào dưới đây?			
9.1	Bổ trợ kiến thức chuyên môn	18%	82%	
9.2	Bổ trợ kỹ năng về công nghệ thông tin	18%	82%	
9.3	Bổ trợ kỹ năng nghiệp vụ	15%	85%	
9.4	Nâng cao/Bổ trợ kỹ năng ngoại ngữ	16%	84%	
9.5	Bổ trợ kỹ năng mềm	17%	83%	
9.6	Không phải bổ trợ thêm	2%	98%	

Kết quả khảo sát cho thấy:

- Tỷ lệ Cựu sinh viên tốt nghiệp Khóa QH2020 (K65) có việc làm tương đối cao chiếm 93.83%, chưa có việc làm là 6.17%.

- Tỷ lệ Cựu sinh viên làm việc tại khu vực tư nhân chiếm tỷ lệ cao nhất 80.38%, khu vực nhà nước chiếm 10.65%, tự tạo việc làm chiếm 2.6%, yếu tố nước ngoài chiếm 6.37%.

- Vị trí việc làm của Cựu sinh viên sau tốt nghiệp chủ yếu là cán bộ thực thi chiếm 78%, quản lý 11%, tập sự 6.7%, khác 4.3%.

- Tỷ lệ Cựu sinh viên tìm được việc là sau tốt nghiệp sau 3-6 tháng chiếm tỷ lệ cao nhất là 41.5%, dưới 3 tháng chiếm 41%, sau 7-12 tháng chiếm 16.5% và trên 12 tháng là 1%.

- Tỷ lệ Cựu sinh viên có việc làm đúng chuyên ngành được đào tạo chiếm 47% , liên quan tới chuyên ngành đào tạo chiếm 33.4%, không liên quan đến ngành đào tạo chiếm 19.6%.

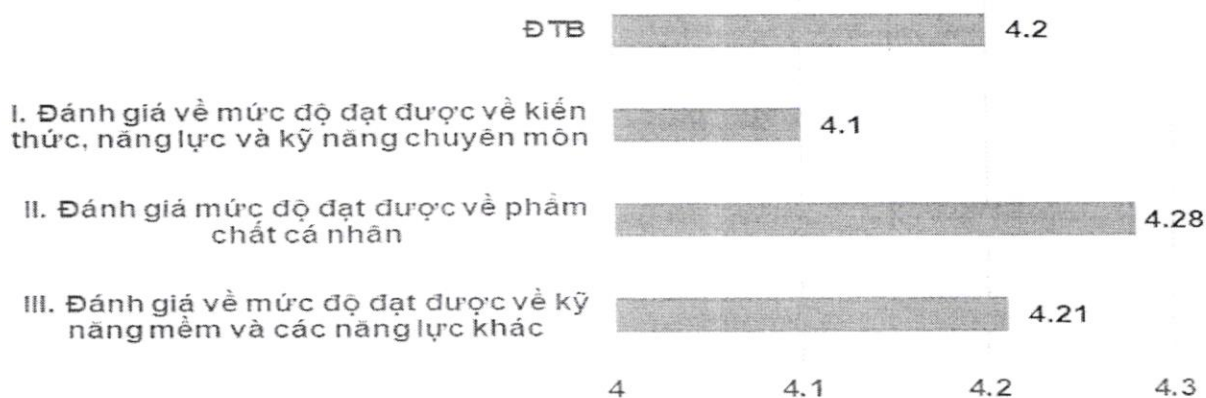
- Tỷ lệ Cựu sinh viên tự tìm được việc làm chiếm tỷ lệ cao nhất chiếm 51%, do Trường giới thiệu 4.8%, do người trong gia đình giới thiệu chiếm 17.8%, do bạn bè người quen giới thiệu chiếm 16.8%, thông qua quảng cáo chiếm 9.2%, do hội chợ chiếm 0.4%.

- Mức thu nhập bình quân/tháng (tính theo VNĐ) của Cựu học viên được trên 7 triệu đồng trở lên chiếm tỷ lệ cao nhất 53.28%, Trên 10 triệu chiếm 20.7%, từ 5.1 triệu-7 triệu chiếm 19.46%, từ 3.1- 5 triệu chiếm 6.56%.

- Sau khi được tuyển dụng, có từ 15% đến 18% Cựu sinh viên đã tham gia các khóa học nâng cao về kỹ năng như tin học, ngoại ngữ, bổ trợ kiến thức chuyên môn, kỹ năng mềm....

2. Đánh giá của Cựu sinh viên về mức độ đạt được các năng lực khi tốt nghiệp

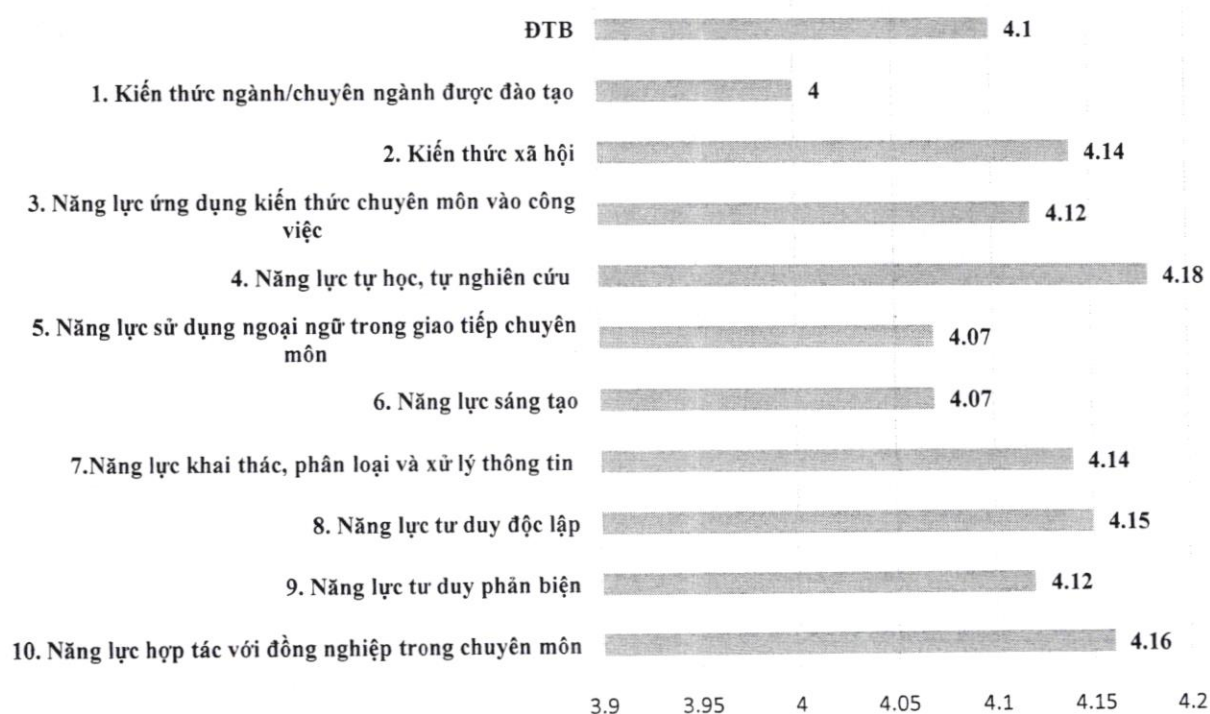
Đánh giá về mức độ đạt được các năng lực của sinh viên sau tốt nghiệp



Kết quả khảo sát cựu sinh viên về mức độ đạt được các năng lực sau khi tốt nghiệp tại Trường Đại học Luật cho thấy đánh giá chung khá tích cực với điểm trung bình 4.2/5 điểm, quy đổi tỷ lệ phần trăm đạt 84% phản ánh sự hài lòng tương đối cao của người học về những năng lực mà chương trình đào tạo trang bị. Trong đó, từng nhóm năng lực có sự chênh lệch nhẹ, thể hiện các thế mạnh và những điểm còn có thể tiếp tục cải thiện.

2.1. Đánh giá về mức độ đạt được về kiến thức, năng lực và kỹ năng chuyên môn

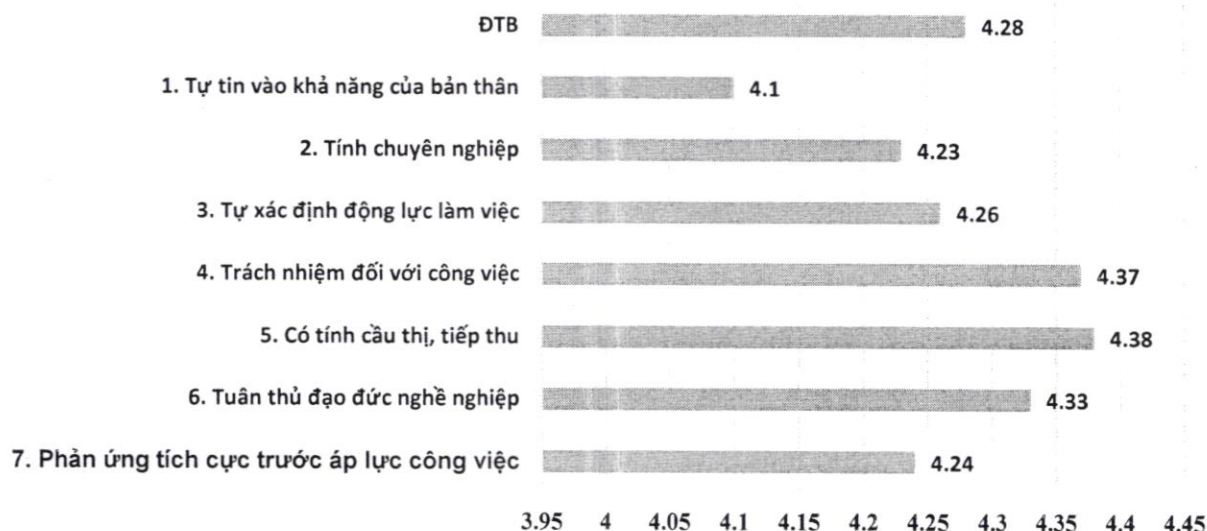
Biểu đồ 2.1. Đánh giá về kiến thức, năng lực, kỹ năng chuyên môn



Điểm đánh giá trung bình của Cựu sinh viên về mức độ đạt được về kiến thức, năng lực và kỹ năng chuyên môn đạt 4.10 điểm/thang điểm đánh giá cao nhất 5 điểm, quy đổi tỷ lệ phần trăm tương ứng 82%, đạt mức Tốt. Các năng lực mà Cựu sinh viên đánh giá cao gồm: “Năng lực tự học, tự nghiên cứu” (4.18 điểm), “Năng lực hợp tác với đồng nghiệp trong chuyên môn” (4.16 điểm) và “Năng lực tư duy độc lập” (4.15 điểm). Các năng lực khác cho thấy mức độ đạt được ở mức Tốt như “Năng lực khai thác, phân loại và xử lý thông tin” (4.14 điểm), “Kiến thức xã hội” (4.14 điểm), “Năng lực ứng dụng kiến thức chuyên môn vào công việc” (4.12 điểm) và “Năng lực tư duy phản biện” (4.12 điểm). Một số năng lực khác tuy đạt mức Tốt nhưng điểm số chưa cao, bao gồm “Năng lực sáng tạo” (4.07 điểm), “Năng lực sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp chuyên môn” (4.07 điểm) và “Kiến thức ngành/chuyên ngành được đào tạo” (4.00 điểm). Điều này cho thấy Cựu sinh viên mong muốn trong quá trình đào tạo, Nhà trường cần chú trọng hơn đến việc tăng cường kiến thức chuyên ngành, nâng cao năng lực ngoại ngữ – đặc biệt là ngoại ngữ chuyên môn – nhằm giúp sinh viên sau khi tốt nghiệp đáp ứng tốt hơn yêu cầu công việc thực tế.

2.2. Đánh giá mức độ đạt được về phẩm chất cá nhân

Đánh giá về mức độ đạt được về phẩm chất cá nhân

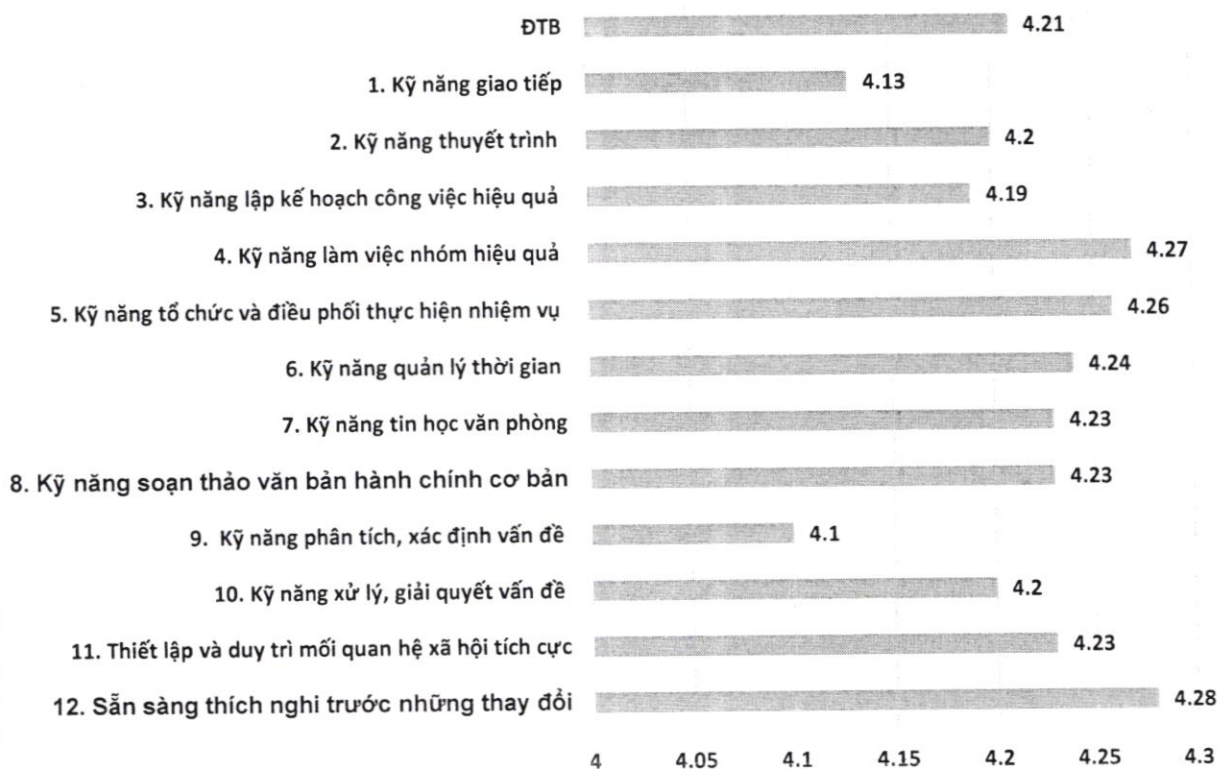


Điểm đánh giá trung bình của Cựu sinh viên về mức độ đạt được phẩm chất cá nhân đạt 4.28 điểm/thang điểm đánh giá cao nhất 5 điểm, quy đổi tương đương 85,6%, ở mức Tốt. Các phẩm chất được Cựu sinh viên đánh giá cao gồm: “Có tính cầu thị, tiếp thu” (4.38 điểm) và “Trách nhiệm đối với công việc” (4.37 điểm), cho thấy người học sau khi tốt nghiệp thể hiện sự nghiêm túc, cầu tiến và tinh thần trách nhiệm cao trong công việc. Bên cạnh đó, các phẩm chất khác cũng đạt mức Tốt như “Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp” (4.33 điểm), “Tự xác định động lực làm việc” (4.26 điểm) và “Phản ứng tích cực trước áp lực công việc” (4.24 điểm), phản ánh khả năng thích ứng và thái độ làm việc tích cực của sinh viên sau khi ra trường. Một số phẩm chất mặc dù đạt mức Tốt nhưng điểm số thấp hơn gồm “Tính chuyên nghiệp” (4.23 điểm) và “Tự tin vào khả năng của bản thân” (4.1 điểm).

Điều này cho thấy Cựu sinh viên mong muốn Nhà trường tiếp tục tăng cường các hoạt động rèn luyện, trải nghiệm nghề nghiệp nhằm nâng cao tính chuyên nghiệp và củng cố sự tự tin của người học trong quá trình học tập và chuẩn bị cho môi trường làm việc thực tế.

2.3. Đánh giá về mức độ đạt được về kỹ năng mềm và các năng lực khác

Đánh giá về mức độ đạt được về kỹ năng mềm và các năng lực khác



Kết quả khảo sát về mức độ đạt được kỹ năng mềm và các năng lực khác của cựu sinh viên với điểm đánh giá trung bình (ĐTB) đạt 4.21/5.0 điểm, tương ứng mức Tốt (84.2%). Điểm mạnh nổi bật nhất của sinh viên thể hiện qua các kỹ năng đạt điểm cao như “Sẵn sàng thích nghi trước những thay đổi” (4.28 điểm), “Kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả” (4.27 điểm) và “Kỹ năng tổ chức và điều phối thực hiện nhiệm vụ” (4.26 điểm), phản ánh khả năng linh hoạt, hợp tác và quản lý công việc tốt trong môi trường học tập và làm việc. Nhiều kỹ năng khác cũng duy trì ở mức Tốt và khá đồng đều, bao gồm khả năng thiết lập mối quan hệ, soạn thảo văn bản, quản lý thời gian, và phân tích vấn đề (đều đạt từ 4.23 đến 4.24 điểm). Tuy nhiên, mặc dù vẫn nằm trong nhóm Tốt, một số kỹ năng quan trọng lại có điểm thấp hơn đáng kể so với mức trung bình chung. Cụ thể, các kỹ năng liên quan đến việc xử lý vấn đề thực tiễn như “Kỹ năng xử lý, giải quyết vấn đề”, “Kỹ năng thuyết trình” (4.20 điểm) và “Kỹ năng lập kế hoạch công việc hiệu quả” (4.19 điểm) cần được chú trọng cải thiện. Đặc biệt, hai kỹ năng thuộc nhóm truyền đạt thông tin là “Kỹ năng giao tiếp” (4.13 điểm), “Kỹ năng phân tích, xác định vấn đề” (4.1 điểm) đạt điểm thấp nhất cho thấy đây là những lĩnh vực cần ưu tiên tăng cường để nâng cao khả năng tự tin thể hiện và truyền tải nội dung của sinh viên.

2.4. Ý kiến khác của Cựu sinh viên

Nội dung	Số phiếu
Tăng cường các tình huống thực tiễn ứng dụng trong giảng dạy để sinh viên dễ tiếp thu cùng với lý thuyết	26
Tăng thời gian thực tập cho sinh viên	14
Cải thiện chất lượng cơ sở vật chất và trang thiết bị tại Trường	6
Cập nhật chương trình học sát thực tế hơn	11
Tăng tín chỉ chỉ cho các môn đào tạo kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp	12
Tăng cường kết nối với Cựu sinh viên và Nhà tuyển dụng để chia sẻ về nghề Luật và tăng cơ hội việc làm cho sinh viên sau tốt nghiệp.	7
Tăng cường hơn nữa các sân chơi, tổ chức các cuộc thi về học thuật	5
Đào tạo sinh viên theo năng lực thị trường cần, đặc biệt kỹ năng thực tế khi mới ra trường.	2

IV. Đánh giá chung

1. Về quy trình thực hiện

- Quá trình thực hiện khảo sát được thực hiện nghiêm túc, đúng quy trình, đúng quy định, đúng tiến độ.

- Có sự phối hợp, hỗ trợ của cán bộ phòng ĐT&CTHSSV, bộ phận ĐBCL và Cựu sinh viên Khóa QH 2020 (K65).

2. Về nội dung:

Đã khảo sát tương đối toàn diện các nội dung liên quan đến tình hình việc làm và năng lực đạt được theo chuẩn đầu ra của CTĐT của Cựu sinh viên Khóa QH 2020 (K65) sau 1 năm tốt nghiệp.

3. Về khó khăn tồn tại

- Việc liên hệ với các Cựu sinh viên gặp nhiều khó khăn do Cựu sinh viên thay đổi số điện thoại, địa chỉ email sau khi ra trường.

- Mức độ kết nối giữa Nhà trường và Cựu sinh viên còn chưa cao nên Cựu sinh viên còn chưa nhiệt tình tham gia khảo sát.

4. Kiến nghị, đề xuất

- Tăng thời gian thực tập cho sinh viên.
- Phương pháp giảng dạy cần phong phú đa dạng, ứng dụng nhiều tình huống thực tiễn bên cạnh lý thuyết để sinh viên dễ tiếp thu.
- Tăng tín chỉ chỉ cho các môn đào tạo kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp
- Cải thiện môi trường học tập và hỗ trợ sinh viên thông qua việc nâng cấp phòng học, wifi, thiết bị, nâng cao chất lượng hỗ trợ người học của các cán bộ phòng ban.

- Phát triển sân chơi rèn kỹ năng nghề nghiệp thông qua việc tổ chức moot court định kỳ; cuộc thi tranh biện pháp lý, tư vấn pháp luật.

- Mở rộng hợp tác với nhiều với các đối tác trong ngành Luật tạo điều kiện cho sinh viên trong quá trình thực tập, thực tế và công việc sau này.

- Nhà trường cần có bộ phận chuyên trách việc kết nối, chăm sóc Cựu sinh viên và Nhà sử dụng lao động vì hiện tại hoạt động này còn chưa tích cực, chưa thường xuyên.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để báo cáo);
- Trưởng các Phòng chức năng;
- Chủ nhiệm các Khoa chuyên môn;
- Lưu: VT, P.KHCN, HTPT&ĐBCL.

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG KT&ĐBCLGD
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Trần Hồng Hạnh